

**Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của nông dân:**

Số điện thoại đường dây nóng: 04 37332765 - Địa chỉ thư điện tử đường dây nóng: duongdaynonghnd@gmail.com

**Giá trị sử dụng  
của thẻ Căn cước công dân**

1. Thẻ Căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam có giá trị chứng minh về căn cước công dân của người được cấp thẻ để thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Thẻ Căn cước công dân được sử dụng thay cho việc sử dụng hộ chiếu trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài ký kết điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế cho phép công dân nước ký kết được sử dụng thẻ Căn cước công dân thay cho việc sử dụng hộ chiếu trên lãnh thổ của nhau.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được yêu cầu công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân để kiểm tra về căn cước và các thông tin trên thẻ; được sử dụng số định danh cá nhân trên thẻ Căn cước công dân để kiểm tra thông tin của người được cấp thẻ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đó không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 3 nêu trên.

4. Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích chính đáng của người được cấp thẻ Căn cước công dân theo quy định của pháp luật.

**HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**

**TRUNG TÂM TƯ VẤN PHÁP LUẬT NÔNG DÂN**



## **THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN**

**(Luật Căn cước công dân năm 2014;  
Thông tư số 61/2015/TT-BCA  
ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng  
Bộ Công an quy định  
về mẫu Thẻ Căn cước công dân )**

**THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN**

**Hà Nội - 2016**



**THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN**

**Người được cấp thẻ Căn cước công dân và số thẻ Căn cước công dân**

1. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi được cấp thẻ Căn cước công dân.
2. Số thẻ Căn cước công dân là số định danh cá nhân.

**Hình dáng, kích thước, nội dung, quy cách và chất liệu thẻ Căn cước công dân**

1. Hình dáng, kích thước:  
Thẻ Căn cước công dân hình chữ nhật, bốn góc được cắt tròn, chiều dài 85,6mm, chiều rộng 53,98mm, độ dày 0,76mm.
2. Nội dung:
  - a) Mặt trước thẻ Căn cước công dân gồm các thông tin sau:
    - Bên trái, từ trên xuống: hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đường kính 14mm; ảnh của người được cấp thẻ Căn cước công dân cỡ 20mm x 30mm; có giá trị đến;
    - Bên phải, từ trên xuống: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; dòng chữ “CĂN CƯỚC CÔNG DÂN”; số; họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; quê quán; nơi thường trú;

- b) Mặt sau thẻ Căn cước công dân gồm các thông tin sau:
  - Trên cùng là mã vạch hai chiều;
  - Bên trái, có 2 ô: ô trên, vân tay ngón trỏ trái; ô dưới, vân tay ngón trỏ phải của người được cấp thẻ Căn cước công dân;
  - Bên phải, từ trên xuống: đặc điểm nhân dạng của người được cấp thẻ; ngày, tháng, năm cấp thẻ Căn cước công dân; họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người có thẩm quyền cấp thẻ và dấu có hình Quốc huy của cơ quan cấp thẻ Căn cước công dân.

**3. Quy cách:**

- a) Hai mặt của thẻ Căn cước công dân in hoa văn màu xanh nhạt. Nền mặt trước thẻ Căn cước công dân gồm: hình ảnh trống đồng, bản đồ Việt Nam, hoa sen và các hoa văn, các họa tiết trang trí. Nền mặt sau thẻ Căn cước công dân gồm các hoa văn được kết hợp với các họa tiết đường cong vắt chéo đan xen;
- b) Quốc huy và ảnh của công dân được in màu trực tiếp trên thẻ Căn cước công dân;
- c) Màu sắc của các chữ trên thẻ Căn cước công dân:
  - Dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”; các thông tin cá nhân của người được cấp thẻ Căn cước công dân; ảnh vân tay ngón trỏ trái, ảnh vân tay ngón trỏ phải, ngày, tháng, năm cấp;

ngày, tháng, năm hết hạn sử dụng; thông tin về đặc điểm nhân dạng của người được cấp thẻ Căn cước công dân; họ, chữ đệm và tên, chữ ký của người có thẩm quyền cấp thẻ Căn cước công dân màu đen;

- Dòng chữ “CĂN CƯỚC CÔNG DÂN”, số thẻ Căn cước công dân màu đỏ;

- Các chữ: Số; họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; quê quán; nơi thường trú; có giá trị đến; đặc điểm nhân dạng; ngón trỏ trái; ngón trỏ phải; ngày, tháng, năm; chức danh của người có thẩm quyền cấp thẻ Căn cước công dân màu xanh;

d) Phôi bảo an được gắn ở mặt sau thẻ Căn cước công dân;

đ) Mã vạch hai chiều lưu trữ thông tin cơ bản của công dân được cấp thẻ Căn cước công dân màu đen.

**4. Chất liệu**

Thẻ Căn cước công dân được sản xuất bằng chất liệu nhựa, ngoài cùng của hai mặt có phủ lớp màng nhựa mỏng trong suốt.

5. Ngôn ngữ khác trên thẻ Căn cước công dân được quy định cụ thể khi Việt Nam ký kết điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế cho phép công dân nước ký kết được sử dụng thẻ Căn cước công dân thay cho việc sử dụng hộ chiếu trên lãnh thổ của nhau.